

Số: 62 /2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020; số 30/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; số 07/2024/QĐ-UBND ngày 30/01/2024; số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024; số 06/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông báo số 18-TB/ĐU ngày 05 tháng 9 năm 2025 ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2030; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 quy định phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt hồ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng,

vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng các công trình xây dựng phục vụ trực tiếp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 30/2020/QĐ-UBND NGÀY 25 THÁNG 8 NĂM 2020 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU QUY ĐỊNH MẬT ĐỘ CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2020-2030

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Hệ số đơn vị vật nuôi (HSVN) là hằng số áp dụng để quy đổi trực tiếp số lượng vật nuôi sang đơn vị vật nuôi.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Điều 5, Điều 6 như sau:

1. Thay thế các cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”, “Sở Tài nguyên và Môi trường”, “Sở Nông nghiệp và PTNT” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 5, Điều 6.
2. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường” tại khoản 1 Điều 5, Điều 6.
3. Thay thế cụm từ “UBND cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại khoản 2 Điều 5.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 30/2021/QĐ-UBND NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU VỀ QUY ĐỊNH PHÂN CẤP CHO ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 như sau:

1. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường” tại tên Quyết định và Điều 1, Điều 2, Điều 3.
2. Thay thế các cụm từ “Sở Nông nghiệp và PTNT”, “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”, “Sở Nông nghiệp” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 1, Điều 2, Điều 3.
3. Bãi bỏ cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư” tại Điều 3.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/2024/QĐ-UBND NGÀY 30 THÁNG 01 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU QUY ĐỊNH KHU VỰC CẤM KHAI THÁC THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định tại Quyết định này khi tham gia hoạt động khai thác thủy sản.

b) Tổ chức, phối hợp với các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn theo thẩm quyền.

c) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, địa phương xác định vị trí tọa độ, cắm mốc, biển báo khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước.

đ) Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Quy định này theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và hỗ trợ việc chuyển giao quy trình sản xuất các loài thủy sản theo các quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ tại Quyết định này trên địa bàn để tổ chức, thực hiện. Chỉ đạo các lực lượng chức năng, các phòng, đơn vị chuyên môn tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm theo quy định. Triển khai thực hiện thủ tục hành chính về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại địa phương.

b) Phổ biến, tuyên truyền và thành lập tổ đội quản lý, thường xuyên tuần tra, kiểm soát trong các tháng cao điểm thuộc khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn theo quy định.

c) Đề xuất kinh phí và triển khai thực hiện cắm mốc phao, biển cảnh báo khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn quản lý. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 9 năm 2025.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

5. Các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp, triển khai thực hiện Quy định này.”

Điều 5. Thay thế một số cụm từ tại Điều 4

1. Thay thế cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường”.

2. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường”.

Điều 6. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bằng Phụ lục “Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn” ban hành kèm theo Quyết định này.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 50/2024/QĐ-UBND NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU BAN HÀNH QUY ĐỊNH ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI VÀ HỖ TRỢ DI DỜI VẬT NUÔI KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 7. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Điều 3 của Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND như sau:

1. Thay thế cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường”.

2. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường”,

3. Bãi bỏ các cụm từ “Tài nguyên và Môi trường”, “Kế hoạch và Đầu tư”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 9

“Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường: Kiểm đếm đầy đủ chủng loại cây trồng, vật nuôi; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu trong việc kiểm đếm; xác định và phê duyệt mức bồi thường cụ thể.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã: Chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn tuyên truyền, hỗ trợ, chi trả kịp thời cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn theo đúng quy định; thường xuyên theo dõi diễn biến giá cả trên địa bàn, báo cáo đề xuất điều chỉnh, bổ sung đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Tài chính: Chủ động theo dõi tình hình biến động của giá cả thị trường các mặt hàng thuộc lĩnh vực quản lý, kịp thời báo cáo tình hình giá cả thị trường hằng tháng theo quy định.

4. Thống kê tỉnh: Công bố năng suất, sản lượng bình quân các loại cây trồng trên địa bàn theo quy định làm căn cứ xác định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.”.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số khoản, điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 Điều 3.

b) Bãi bỏ cụm từ “báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 4 Điều 3.

c) Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại khoản 4 Điều 4.

Chương V

THAY THẾ MỘT SỐ TỪ, CỤM TỪ CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/2025/QĐ-UBND NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 2025 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU QUY ĐỊNH DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ TRỰC TIẾP TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 9. Thay thế một số từ, cụm từ tại Điều 4, Điều 5 như sau:

1. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 4.

2. Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại khoản 2 Điều 5”.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2025.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Kt9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải



Phụ lục

KHU VỰC CẤM KHAI THÁC THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 62 /2025/QĐ- UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Khu vực cấm	Xã	Phạm vi/Tọa độ cấm	Chiều dài, diện tích khu vực cấm	Thời gian cấm (Từ ngày - đến ngày)	Đối tượng chính cần được bảo vệ
1	Vùng ngập nước tại bản Nậm Hạ - xã Bum Tở, cách UBND xã Can Hồ (cũ) 1,6 km (theo đường bộ).	Bum Tở	Vùng nước trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C1a: 22°17'52"N, 102°49'25"E C1b: 22°17'49"N, 102°49'43"E C1c: 22°17'52"N, 102°49'49"E C1d: 22°17'47"N, 102°49'53"E C1e: 22°17'48"N, 102°50'03"E C1f: 22°17'45"N, 102°50'09"E C1g: 22°17'39"N, 102°49'54"E C1h: 22°17'31"N, 102°49'47"E C1i: 22°17'32"N, 102°49'26"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Lai Châu của sông Đà có chiều dài 1.134 m; Diện tích 40 ha.	01/5-31/7	cá Chiên (<i>Bagarius spp</i>), cá Măng (<i>Elopichthys bambusa</i>), cá Chép (<i>Cyprinus carpio</i> , cá Lăng (<i>Hemibagrus spp</i>), cá Mương (<i>Hemiculter spp</i>), cá Trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon idella</i>), cá Chạch (<i>Misgurnus spp</i>), cá Nheo (<i>Silurus spp</i>), cá Ngạnh (<i>Cranoglanis spp</i>) (<i>Siluridae</i>), tôm (<i>Macrobrachium spp</i>)
2	Vùng ngập nước thuộc khu 3, khu 11, khu 12 - xã Bum Tở, cách UBND huyện Mường Tè (cũ) 0,8km (theo đường bộ)	Bum Tở	C2a: 22°23'05"N, 102°47'50"E C2b: 22°22'47"N, 102°48'21"E C2c: 22°22'52"N, 102°48'30"E C2d: 22°22'55"N, 102°48'54"E C2e: 22°22'39"N, 102°49'26"E C2f: 22°22'36"N, 102°49'24"E C2g: 22°22'40"N, 102°49'08"E C2h: 22°22'37"N, 102°48'03"E C2i: 22°22'46"N, 102°48'32"E C2k: 22°22'41"N, 102°48'19"E C2l: 22°22'54"N, 102°47'49"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Lai Châu của Sông Đà có chiều dài 2.962m; Diện tích 58 ha.	01/5-31/7	cá Chép (<i>Cyprinus carpio</i>), cá Trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon idella</i>), tôm (<i>Macrobrachium spp</i>)
3	Vùng ngập nước bản Co Mùn - xã Lê Lợi, cách cầu Lai Hà gần 2 km	Lê Lợi	Vùng nước trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C3a: 22°05'02"N, 103°09'47"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Sơn La của sông	01/4-30/6	

TT	Khu vực cấm	Xã	Phạm vi/Tọa độ cấm	Chiều dài, diện tích khu vực cấm	Thời gian cấm (Từ ngày - đến ngày)	Đối tượng chính cần được bảo vệ
	(theo đường bộ - hướng đi về xã Nậm Hàng)		C3b: 22 ⁰ 05'01"N, 103 ⁰ 09'56"E C3c: 22 ⁰ 04'43"N, 103 ⁰ 09'51"E C3d: 22 ⁰ 04'37"N, 103 ⁰ 09'53"E C3e: 22 ⁰ 04'37"N, 103 ⁰ 09'35"E C3f: 22 ⁰ 04'49"N, 103 ⁰ 09'36"E C3g: 22 ⁰ 04'58"N, 103 ⁰ 09'42"E	Đà có chiều dài 763 m; diện tích 28 ha.		cá Chiên (<i>Bagarius spp</i>), cá Măng (<i>Elopichthys bambusa</i>), cá Chép (<i>Cyprinus carpio</i> , cá Lăng (<i>Hemibagrus spp</i>), cá Mương (<i>Hemiculter spp</i>), cá Trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon idella</i>), cá Chạch (<i>Misgurnus spp</i>), cá Nheo (<i>Silurus spp</i>), cá Ngạnh (<i>Cranoglanis spp</i>) (<i>Siluridae</i>), tôm (<i>Macrobrachium spp</i>)
4	Vùng nước ngập bản Nậm Ty - xã Nậm Hàng, cách UBND xã Nậm Hàng (cũ) 1,5 km (theo đường bộ).	Nậm Hàng	Vùng nước trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C4a: 22 ⁰ 08'27"N, 103 ⁰ 02'02"E C4b: 22 ⁰ 07'18"N, 103 ⁰ 04'09"E C4c: 22 ⁰ 07'06"N, 103 ⁰ 04'01"E C4d: 22 ⁰ 07'55"N, 103 ⁰ 02'10"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Sơn La của sông Đà có chiều dài 3.637 m; diện tích 91 ha.	01/4-30/6	
5	Vùng nước ngập thuộc Tổ dân phố Pa Kéo – xã Nậm Hàng, cách UBND thị trấn Nậm Nhùn (cũ) 0,1km (theo đường bộ) (phía sau UBND thị trấn (cũ))	Nậm Hàng	Vùng nước trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C5a: 22 ⁰ 08'43"N, 103 ⁰ 00'48"E C5b: 22 ⁰ 08'25"N, 103 ⁰ 01'14"E C5c: 22 ⁰ 08'10"N, 103 ⁰ 02'11"E C5d: 22 ⁰ 07'55"N, 103 ⁰ 02'12"E C5e: 22 ⁰ 08'06"N, 103 ⁰ 00'45"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Sơn La của sông Đà có chiều dài 2.562 m; diện tích 73 ha.	01/4-30/6	
6	Vùng ngập nước thuộc các bản Cang, Mường Mô, bản Giăng, bản Nậm Hải - xã Mường Mô, cách UBND thị trấn Nậm Nhùn 1,3 km (theo đường bộ).	Mường Mô	Trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C6a: 22 ⁰ 13'59"N, 102 ⁰ 55'00"E C6b: 22 ⁰ 14'04"N, 102 ⁰ 55'51"E C6c: 22 ⁰ 13'03"N, 102 ⁰ 55'56"E C6d: 22 ⁰ 12'52"N, 102 ⁰ 56'12"E C6e: 22 ⁰ 12'29"N, 102 ⁰ 56'02"E C6f: 22 ⁰ 12'01"N, 102 ⁰ 56'26"E C6g: 22 ⁰ 12'33"N, 102 ⁰ 54'46"E C6h: 22 ⁰ 12'24"N, 102 ⁰ 54'22"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Lai Châu của sông Đà có chiều dài 7.295 m; diện tích 400 ha.	01/4-30/6	

TT	Khu vực cấm	Xã	Phạm vi/Tọa độ cấm	Chiều dài, diện tích khu vực cấm	Thời gian cấm (Từ ngày - đến ngày)	Đối tượng chính cần được bảo vệ
7	Vùng ngập nước thuộc bản Huồi Mẩn - xã Mường Mô, cách cầu Nậm Pồ 0,05km (theo đường bộ)	Mường Mô	Vùng nước trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C7a: 22°05'35"N, 102°51'57"E C7b: 22°05'37"N, 102°52'09"E C7c: 22°04'58"N, 102°52'24"E C7d: 22°50'30"N, 102°52'36"E C7e: 22°05'27"N, 102°52'49"E C7f: 22°05'14"N, 102°52'41"E C7g: 22°05'00"N, 102°52'40"E C7h: 22°04'55"N, 102°52'35"E C7i: 22°04'51"N, 102°52'23"E C7k: 22°05'01"N, 102°52'04"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Lai Châu của sông Đà có chiều dài 2.892 m; diện tích 67 ha.	01/5-31/7	
8	Vùng ngập nước tại bản Nậm Ngập - xã Nậm Tăm, cách Trung tâm Y tế huyện Sin Hồ (cơ sở 2) 1,7km (theo đường thủy).	Nậm Tăm	Vùng nước trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C8a: 22°15'44"N, 103°24'21"E C8b: 22°15'47"N, 103°24'29"E C8c: 22°15'32"N, 103°24'37"E C8d: 22°15'27"N, 103°24'29"E C8e: 22°15'35"N, 103°24'20"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Sơn La của sông Đà có chiều dài 520 m; Diện tích 39 ha.	01/4-30/6	cá Chiên (<i>Bagarius spp</i>), cá Măng (<i>Elopichthys bambusa</i>), cá Chép (<i>Cyprinus carpio</i> , cá Lăng (<i>Hemibagrus spp</i>), cá Mương (<i>Hemiculter spp</i>), cá Trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon idella</i>), cá Chạch (<i>Misgurnus spp</i>), cá Nheo (<i>Silurus spp</i>), cá Ngạnh (<i>Cranoglanis spp</i>) (<i>Siluridae</i>), tôm (<i>Macrobrachium spp</i>)
9	Vùng ngập nước tại bản Nậm Cha - xã Nậm Tăm, cách UBND xã Nậm Cha (cũ) 0,3 km (theo đường thủy)	Nậm Tăm	Vùng nước trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C9a: 22°12'54"N, 103°25'10"E C9b: 22°13'02"N, 103°25'37"E C9c: 22°12'48"N, 103°25'53"E C9d: 22°12'31"N, 103°25'39"E C9e: 22°12'27"N, 103°25'20"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Sơn La của sông Đà có chiều dài 893 m; Diện tích 61 ha.	01/4-30/6	
10	Vùng ngập nước tại bản Phiêng Lúc - xã Tân Uyên, cách trường Tiểu học xã Nậm Cắn 0,5km	Tân Uyên	Vùng nước trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C10a: 22°08'49"N, 103°43'03"E C10b: 22°08'51"N, 103°43'24"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Bản Chát của sông Nậm	01/5-31/7	cá Chép (<i>Cyprinus carpio</i> , cá Lăng (<i>Hemibagrus spp</i>), cá Mương (<i>Hemiculter spp</i>), cá Trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon idella</i>), cá

TT	Khu vực cấm	Xã	Phạm vi/Tọa độ cấm	Chiều dài, diện tích khu vực cấm	Thời gian cấm (Từ ngày - đến ngày)	Đối tượng chính cần được bảo vệ
	(theo đường bộ)		C10c: 22°05'50"N, 103°42'51"E C10d: 22°06'02"N, 103°44'22"E C10e: 22°05'03"N, 103°43'28"E C10f: 22°04'10"N, 103°44'45"E C10g: 22°03'46"N, 103°44'17"E C10h: 22°04'06"N, 103°43'09"E C10i: 22°05'47"N, 103°42'08"E	Mu có chiều dài 15.850 m; Diện tích khoảng 316 ha.		Chạch (<i>Misgurnus spp</i>), cá Nheo(<i>Silurus spp</i>), tôm (<i>Macrobrachium spp</i>)
11	Vùng ngập nước thuộc bản Sàng, bản Mỏ - xã Khoen On, cách UBND xã Khoen On (cũ) 0,4 km (theo đường bộ)	Khoen On	Vùng nước trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C11a: 21°45'46"N, 103°49'45"E C11b: 21°46'08"N, 103°50'23"E C11c: 21°44'23"N, 103°51'32"E C11d: 21°42'47"N, 103°51'22"E C11e: 21°42'09"N, 103°51'50"E C11d: 21°41'59"N, 103°51'51"E C11e: 21°42'03"N, 103°51'11"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Huội Quảng của sông Nậm Mu có chiều dài 9.270 m; diện tích 473 ha.	01/4-30/6	cá Chép (<i>Cyprinus carpio</i> , cá Lăng (<i>Hemibagrus spp</i>), cá Mương (<i>Hemiculter spp</i>), cá Trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon idella</i>), cá Chạch (<i>Misgurnus spp</i>), cá Nheo (<i>Silurus spp</i>), tôm (<i>Macrobrachium spp</i>)
12	Vùng ngập nước tại bản Củng - xã Khoen On, cách UBND xã Khoen On 0,3 km (theo đường bộ)	Khoen On	Vùng nước trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C12a: 21°49'36"N, 103°49'38"E C12b: 21°49'28"N, 103°50'05"E C12c: 21°47'48"N, 103°49'04"E C12d: 21°46'55"N, 103°49'28"E C12e: 21°46'46"N, 103°49'09"E C12f: 21°48'30"N, 103°48'19"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Huội Quảng sông Nậm Mu có chiều dài 5.526 m; diện tích khoảng 240,3 ha.	01/4-30/6	
13	Vùng ruộng ngập nước tại bản Pá Khôm - xã Mường Kim, cách UBND xã Pha Mu (cũ) 2 km (theo đường bộ).	Mường Kim	Vùng nước trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C13a: 21°53'35"N, 103°47'12"E C13b: 21°53'28"N, 103°47'28"E C13c: 21°52'08"N, 103°45'59"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Bản Chát của sông Nậm Mu có chiều dài	01/4-30/6	

TT	Khu vực cấm	Xã	Phạm vi/Tọa độ cấm	Chiều dài, diện tích khu vực cấm	Thời gian cấm (Từ ngày - đến ngày)	Đối tượng chính cần được bảo vệ
			C13d: 21°52'14"N, 103°45'53"E C13e: 21°53'03"N, 103°46'17"E	3.680 m; diện tích khoảng 83,8 ha.		
14	Vùng ngập nước tại Pù Quải - xã Than Uyên, cách bến đò Pá Hàu 0,3 km (theo đường thủy).	Than Uyên	Vùng nước trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C14a: 21°55'33"N, 103°50'25"E C14b: 21°55'30"N, 103°50'27"E C14c: 21°55'31"N, 103°50'30"E C14d: 21°55'30"N, 103°50'30"E C14e: 21°55'29"N, 103°50'24"E C14f: 21°55'30"N, 103°50'23"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Bản Chát của sông Nậm Mu có chiều dài 190m; diện tích khoảng 0,47 ha.	01/4-30/6	
15	Vùng ngập tại bản Khoang - xã Mường Than, cách trường THCS xã Mường Mít 1 km (theo đường bộ)	Mường Than	Vùng nước trong phạm vi đường nổi các điểm có tọa độ: C15a: 22°01'16"N, 103°50'10"E C15b: 22°01'05"N, 103°50'22"E C15c: 22°00'54"N, 103°50'05"E C15d: 22°00'02"N, 103°50'38"E C15e: 21°59'53"N, 103°49'24"E C15f: 21°58'54"N, 103°49'50"E C15g: 21°59'08"N, 103°48'05"E C15e: 21°59'28"N, 103°47'44"E	Khu vực cấm thuộc hồ thủy điện Bản Chát của sông Nậm Mu có chiều dài 6.742 m; diện tích khoảng 386 ha	01/4-30/6	